

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 95/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020; Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu- chi ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020:

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị khác thuộc tỉnh (*theo biểu đính kèm*);

2. Các Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Cty TNHH MTV) do tỉnh quản lý (*theo biểu đính kèm*);

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch:

1. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị khác thuộc tỉnh, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, phân đầu đạt và vượt kế hoạch được giao; theo dõi, kiểm tra chặt chẽ và định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cả năm báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo quy định và Quy chế làm việc của UBND tỉnh; chủ động giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc, khó khăn của các đơn vị trực thuộc và cơ sở; trong quá trình tổ chức thực

hiện nếu vượt thẩm quyền, các ngành, đơn vị và địa phương trao đổi với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh đề xuất giải pháp, kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xử lý.

2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện hoặc phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: hướng dẫn, kiểm tra, định kỳ tổng hợp, báo cáo, chủ động xử lý các vướng mắc của đơn vị và cơ sở, kịp thời đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xử lý các khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền của Sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Giao Thủ trưởng các Sở, ngành, lãnh đạo doanh nghiệp, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp theo dõi chặt chẽ các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được giao liên quan đến lĩnh vực ngành, địa phương quản lý định kỳ hàng quý rà soát kết quả thực hiện báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan, đơn vị khác thuộc tỉnh, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH và ĐT, Bộ Tài chính;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Cục Thuế, Kho bạc NN Trà Vinh;
- Như điều 4;
- BLĐVP, các phòng NC;
- Lưu: VT, THNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị: Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú

TT	Tên mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú		
									Tổng số	Trong đó: NSNN			Tổng số	Trong đó				
														Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	TỔNG SỐ									112.694	112.694	210.200	116.265	204.752,5	12.500	-	-	
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG									4.816	4.816	115.900	84.865	34.535	-	-	-	
I	TỈNH QUẢN LÝ									4.816	4.816	5.000	-	4.500	-	-	-	
	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>									4.816	4.816	5.000	-	4.500	-	-	-	
	Đường Hai Bà Trưng nối dài thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú	Trà Cú	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Trà Cú	7782850	223	Đường nhựa	2019-2020	313/QĐ-SKHDT 31/10/2019	4.816	4.816	5.000		4.500				Nguồn thu sử dụng đất
II	HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ									-	-	110.900	84.865	26.035	-	-	-	
1	Phân cấp theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh											93.400	70.865	22.535				
2	Hỗ trợ có mục tiêu cho huyện thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn											17.500	14.000	3.500				
III	VỐN GIAO CẤP HUYỆN THU DẸ CHỈ THEO QUY ĐỊNH													4.000	-	-	-	
1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (60%)													2.400				
2	Trích lập Quỹ phát triển đất (30%)													1.200				



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn thanh toán từ khởi công đến hết KII năm trước	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú	
									Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó:		Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB			
3	Lập hồ sơ bán đồ địa chính (10%) (*)										400					
B	NGUỒN VỐN XỐ SÓ KIẾN THIẾT															
I	TỈNH QUẢN LÝ															
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp sang năm 2020</i>															
1	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Trà Cú (giai đoạn 3)	Trà Cú	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Trà Cú	7721020	491	cấp III	2018-2020	2108/QĐ-UBND 26/10/2018	14.000	14.000	7.000	6.000	5.000		Thu hồi theo Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 18/9/2019
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Trà Cú (giai đoạn 3)	Trà Cú	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Trà Cú	7708182	492, 493	cấp III	2018-2020	1667/QĐ-UBND 17/8/2018	17.000	17.000	7.500	8.000	7.500		Thu hồi theo Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 18/9/2019
(2)	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>															
1	Xây dựng các phòng học thuộc Đề án mầm non 05 tuổi trên địa bàn huyện Trà Cú	Trà Cú	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Trà Cú	7787768	491	cấp III	2020-2022	2279/QĐ-UBND 30/10/2019	14.950	4.800		4.800			
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Trà Cú	Trà Cú	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Trà Cú	7787658	492, 493	cấp III	2020-2022	2308/QĐ-UBND 31/10/2019	46.000	16.500		16.500			
II	HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ															
1	Hỗ trợ thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn															
2	Hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới															

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HIT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú		
									Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước		Trong đó	
										Tổng số							Trong đó: NSNN
C	VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT VƯỢT THỜI GIỚI NĂM 2018								15.928	15.928	11.000	-	11.000	-			
	TỈNH QUẢN LÝ								15.928	15.928	11.000	-	11.000	-			
	Dự án khởi công mới năm 2020								15.928	15.928	11.000	-	11.000	-			
1	Đường nhựa nhóm 4, thị trấn Trà Cú (từ đường 3/2 đến tuyến tránh QL53), huyện Trà Cú	Trà Cú	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Trà Cú	7782671	223	Đường nhựa; cầu BTCT	2019-2021	9.201	9.201	6.000		6.000				
2	Đường nhựa nhóm 6, thị trấn Trà Cú (từ Trường TH thị trấn đến tuyến tránh QL53), huyện Trà Cú	Trà Cú	KBNN Trà Vinh	UBND huyện Trà Cú	7782672	223	Đường nhựa; cầu BTCT	2019-2021	6.727	6.727	5.000		5.000				
D	VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT VƯỢT THỜI GIỚI NĂM 2019								-	-	12.000	-	12.000	-			
	Hỗ trợ cơ mục tiêu cho huyện đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, thoát nước, chỉnh trang đô thị bức xúc của địa phương										12.000		12.000		UBND huyện chịu trách nhiệm về tình hiệu quả của dự án và phải phù hợp với nhu cầu bức xúc của của cư dân		
E	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA																
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững													93.877,5			
1.1	Chương trình 30a (Vốn trong nước)													48.017,5			
-	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng huyện nghèo													38.110,5			
														32.652			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HTT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Vốn thanh toán từ khởi công đến hết KH năm trước	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
									Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSNN			Tổng số	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trong đó	
-	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (03 xã: Lưu Nghiệp Anh, Kim Sơn, Hàm Tân)											5.458,5					
1.2	Chương trình 135 (vốn nước ngoài)											9.907,0					
-	Hỗ trợ đầu tư CSHT xã đặc biệt khó khăn (09 xã)											8.707					
-	Hỗ trợ đầu tư CSHT thôn, ấp đặc biệt khó khăn (06 ấp)											1.200					
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Vốn trong nước)											45.800					
-	Các xã Nông thôn mới											40.800					
-	Đề án tổng thể hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn (theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)	Xã Lưu Nghiệp Anh	KBNN huyện Trà Cú	UBND huyện Trà Cú								5.000					Vốn dự phòng KHHTH Chương trình MTQG nông thôn mới